



CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Nguyễn Kế Tuấn*

Bài viết này khái quát thực trạng thực hiện các nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam. Bài viết khẳng định những kết quả tích cực đã đạt được, những hạn chế bất cập, những khó khăn, thách thức với phát triển nông nghiệp và nông thôn ở nước ta. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất ba giải pháp chính sách thúc đẩy thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn: (i) tăng cường quan hệ liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị nông sản hàng hóa; (ii) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn; (iii) phát triển hình thức kinh tế hộ - trang trại. Đây có thể coi đó là những chính sách đột phá trong hệ giải pháp chính sách thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nông nghiệp, nông dân và nông thôn; chính sách đột phá.

1. Đặt vấn đề

Với điểm xuất phát ban đầu của nước ta là nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ, lạc hậu, phân tán, mang nặng tính chất tự cung tự cấp, Đảng và Nhà nước luôn coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp và nông thôn là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của quá trình CNH, HĐH đất nước. Mục tiêu tổng quát và lâu dài của CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn là xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

Trong những năm đổi mới vừa qua, tuy đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhưng CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn cũng bộc lộ ngày càng rõ những yếu kém bất cập so với yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Trong điều kiện đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta đang đứng trước những thách thức gay gắt.

Từ nay đến năm 2020, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển nông nghiệp và nông thôn nước ta. Nhằm

góp phần vào việc tổng kết 30 năm đổi mới và xác định phương hướng, giải pháp cho giai đoạn phát triển mới, bài viết này trình bày những đánh giá khái quát về quá trình thực hiện nhiệm vụ CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, và đề xuất một số giải pháp đột phá thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ trọng yếu này ở nước ta.

2. Khái quát thực trạng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

2.1. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn

Sự thay đổi vị trí của nông nghiệp trong cơ cấu ngành kinh tế quốc dân

Sau gần 30 năm đổi mới, tuy khu vực nông nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định trong nhiều năm, nhưng tỷ trọng của khu vực này trong GDP của nền kinh tế đang giảm dần. Nếu năm 1995, nông nghiệp còn chiếm 27,18% tổng GDP, công nghiệp- xây dựng chỉ chiếm 28,75% và dịch vụ chiếm 44,07%, thì đến năm 2013, các tỷ trọng này lần lượt là 18,4%, 38,3% và 43,3%. Sự thay đổi này phù hợp với xu hướng chung của thay đổi cơ cấu kinh tế trong quá trình CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, nếu đặt thay đổi cơ cấu ngành kinh tế trong mối quan hệ với thay đổi cơ cấu lao động xã hội, có thể thấy rằng lao động trong nông nghiệp vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lao động xã hội. Trong giai đoạn 1995 - 2012, tuy tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng



lao động xã hội giảm từ 71,25% xuống còn 47,4%, nhưng lượng tuyệt đối lại tăng thêm 954.000 người. Điều này có nghĩa, lao động trong khu vực có năng suất lao động thấp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lao động xã hội. Đây là một trong những yếu tố làm năng suất lao động của nước ta thấp xa so với các nước trong khu vực. Điều này phần nào phản ánh một nghịch lý trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn: khi trình độ khoa học công nghệ trong nông nghiệp được cải thiện, thì năng suất lao động trong nông nghiệp lại tăng rất chậm, sự phát triển theo chiều rộng vẫn là nét chủ đạo trong phát triển nông nghiệp nước ta.

Chuyển dịch cơ cấu ngành nông, lâm, ngư nghiệp

Tỷ trọng sản xuất nông nghiệp trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp có xu hướng giảm, nhưng vẫn là bộ phận quan trọng nhất trong cơ cấu của khu vực nông nghiệp. Năm 1995, sản xuất nông nghiệp chiếm tới 85% tổng giá trị sản xuất của khu vực nông nghiệp; năm 2013, tỷ trọng này giảm xuống còn 76,42%. Đây là bộ phận thu hút đại bộ phận lao động nông thôn, cung cấp những sản phẩm thiết yếu cho dân cư, nguồn nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến và nguồn hàng xuất khẩu.

Ngành lâm nghiệp có quy mô nhỏ, chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu ngành nông, lâm, nghiệp và tỷ trọng này đang có xu hướng giảm do tốc độ tăng trưởng thấp hơn tốc độ tăng trưởng chung của khu vực nông nghiệp. Tỷ trọng của ngành trong tổng giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp năm 1995 là 4,34%; năm 2013, giảm xuống chỉ còn 3,64%. Điều đáng chú ý là trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp, giá trị của trồng rừng chỉ chiếm 10%, còn lại là giá trị của khai thác, chế biến gỗ và lâm sản. Điều này có nghĩa, tốc độ khai thác rừng lớn hơn nhiều so với tốc độ trồng rừng. Đó là thực tế đáng lo ngại đe dọa trực tiếp sự phát triển theo yêu cầu bền vững.

Tỷ trọng giá trị sản xuất thủy sản tăng nhanh được coi là dấu hiệu tích cực của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp: khai thác lợi thế từng vùng, chuyển đổi cơ cấu sản xuất và lao động sang ngành có thu nhập và giá trị gia tăng cao, gắn với yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Tỷ trọng ngành thủy sản trong giá trị sản xuất của khu vực nông nghiệp năm 1995 là 10,51%; năm 2013, đã tăng lên tới 19,94%. Tuy nhiên, trong sự phát triển của ngành cũng xuất hiện nhiều hạn chế, bất cập: tính tự phát còn khá đậm nét; cảnh quan và môi sinh nhiều vùng bị phá vỡ; mất cân đối giữa nuôi trồng và chế biến; chưa bảo đảm yêu cầu an toàn thực phẩm do sử dụng quá mức một số hóa chất.

Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành sản xuất nông nghiệp

Nét nổi bật trong phát triển sản xuất nông nghiệp nước ta trong những năm qua là từ nền nông nghiệp độc canh tập trung vào cây lúa, mang nặng tính chất tự cấp tự túc đang chuyển mạnh sang nền nông nghiệp hàng hóa toàn diện và thâm canh, phát huy lợi thế về tự nhiên và truyền thống sản xuất của từng vùng. Nhân tố thị trường và hội nhập quốc tế có ảnh hưởng ngày càng mạnh tới sản xuất nông nghiệp. Đến nay, đã bước đầu hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông sản hàng hóa tập trung (lúa, cây ăn quả, cây thực phẩm, cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản) ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, vùng Đông Nam Bộ, vùng Tây Nguyên, vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Sản xuất nông nghiệp không những đã bảo đảm được an ninh lương thực, cung cấp những loại thực phẩm cơ bản cho thị trường trong nước, nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp chế biến, mà còn có những đóng góp to lớn vào xuất khẩu hàng hóa.

Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH diễn ra chậm chạp. Năm 1976, ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng 77,9% giá trị sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi chiếm 19,3% và dịch vụ chiếm 2,8%; đến năm 2012, các tỷ trọng này là 71,3%, 26,8% và 1,9%. Trồng trọt, trong đó chủ yếu là cây lúa, vẫn là ngành sản xuất chủ yếu và chiếm vị trí áp đảo trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp. Ngành chăn nuôi tuy bước đầu phát triển chăn nuôi công nghiệp với việc hình thành một số trang trại có quy mô vừa và nhỏ, các loại giống mới và sử dụng thức ăn công nghiệp ngày càng trở nên phổ biến, nhưng trong nhiều năm tỷ trọng giá trị sản xuất của ngành trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Các ngành nghề phi nông nghiệp được khuyến khích phát triển, nhưng chưa vượt qua được những khó khăn về thị trường, vốn, công nghệ và ở nhiều nơi vẫn được coi là những nghề phụ. Vì vậy, việc thực hiện phân công lao động tại chỗ theo yêu cầu “rời ruộng không rời làng” chưa được phát triển rộng rãi.

Sản xuất nông nghiệp chưa thoát khỏi tình trạng bấp bênh, người sản xuất hàng hóa ở nông thôn gặp nhiều rủi ro thị trường và thường bị “lếp vế” trong quan hệ giao thương với các chủ thể tiêu thụ và chế biến nông sản. Điều đó có nguyên nhân từ sự hạn chế về năng lực của những người sản xuất hàng hóa ở nông thôn và từ sự hạn chế trong quản lý nhà nước với nông nghiệp và nông thôn. Tính tự phát trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp còn khá đậm nét do người sản xuất ở nông thôn chịu

sự điều tiết tự phát của thị trường, khả năng liên kết với nhau trên thị trường còn yếu kém. Trong khi đó, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư chưa quan tâm đúng mức đến giúp đỡ người sản xuất nâng cao năng lực thị trường. Điều này đã dẫn đến nhiều sản phẩm sản xuất ra khó tìm được thị trường tiêu thụ; tình trạng “được mùa, rớt giá” xảy ra nhiều năm nay nhưng chưa tìm được cách khắc phục. Lợi ích của người nông dân trong trao đổi hàng hóa không được bảo đảm dẫn đến giảm động lực trong sản xuất; đã xảy ra tình trạng nông dân bỏ đất không canh tác hoặc trả lại ruộng cho hợp tác xã¹.

2.2. Các hình thức tổ chức sản xuất trong sản xuất nông nghiệp

Với 10,37 triệu hộ hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp (2011), kinh tế hộ vẫn là đơn vị sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp. Với quy mô sản xuất nhỏ bé và phân tán, kinh tế hộ ngày càng bộc lộ rõ những nhược điểm trong việc ứng dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ, bảo đảm chất lượng và sản lượng nông sản hàng hóa phù hợp với nhu cầu thị trường. Mặt khác, do khả năng liên kết giữa các hộ nông dân còn yếu đã ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của kinh tế hộ trên thị trường, đặc biệt là cạnh tranh với các thương lái trong tiêu thụ sản phẩm.

Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Tính đến 1/7/2011, cả nước có 20.028 trang trại, trong đó có 8.665 trang trại trồng trọt (43,3%), 6.348 trang trại chăn nuôi (31,7%), 4.522 trang trại nuôi trồng thủy sản (22,6%). Với quy mô sản xuất lớn hơn so với kinh tế hộ, sự phát triển các trang trại đã có điều kiện thuận lợi hơn trong việc áp dụng những thành tựu của khoa học, tăng tỷ suất nông sản hàng hóa và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Tuy nhiên, sự phát triển trang trại đang gặp một số khó khăn do sự hạn chế về năng lực quản trị, sự ràng buộc về hạn điền và khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các ngân hàng thương mại.

Các hợp tác xã ở nông thôn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước qua các chính sách ưu đãi và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý. Hiện nay, các hợp tác xã chủ yếu tập trung vào làm một số khâu dịch vụ (làm đất, thủy lợi, cung ứng vật tư nông nghiệp và tiêu thụ nông sản). Tuy có nhiều nỗ lực, nhưng vai trò của các hợp tác xã trong phát triển sản xuất ở nông thôn còn khá mờ nhạt.

Như vậy, tuy kinh tế hộ vẫn là đơn vị sản xuất chủ yếu ở nông thôn, nhưng với quy mô sản xuất nhỏ bé, kinh tế hộ bộc lộ ngày càng rõ những bất cập với

yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại. Trong quá trình phát triển, các hộ sản xuất đều có nhu cầu liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhưng các hợp tác xã dù đã được đổi mới nhưng vẫn không có sự hấp dẫn do chưa có khả năng đáp ứng nhu cầu liên kết của các hộ. Sự phát triển kinh tế trang trại thích ứng với yêu cầu tích tụ, tập trung và chuyên môn hóa sản xuất và có xu hướng phát triển mạnh, nhưng lại đang gặp phải những cản trở về cơ chế, chính sách, trong đó có chính sách đất đai.

2.3. Thực trạng quan hệ công nghiệp - nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn chịu tác động mạnh mẽ của phát triển công nghiệp với vai trò là ngành chuyển tải những thành tựu mới của khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và chế biến nâng cao giá trị các loại nông sản.

Phục vụ cơ giới hóa và thủy lợi hóa

Việc sử dụng máy móc thay thế lao động thủ công trong sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả tích cực. Đến nay, tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa đạt 72%, các cây trồng cạn (mía, dứa, ngô, đậu, lạc) đạt 65%; tính riêng cho cây lúa, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt 80%, tưới đạt 85%, tuốt đạt 84%, sấy đạt 38,7%, xay sát đạt 95%... Đây là yếu tố quan trọng góp phần giảm nhẹ cường độ lao động, tăng năng suất lao động và bảo đảm thời vụ trong sản xuất nông nghiệp. So với quá khứ, đây là bước tiến mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp; nhưng so với nhiều nước trong khu vực, trình độ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp nước ta còn hết sức thấp kém². Có ba yếu tố cơ bản cản trở phát triển cơ giới hóa là: (i) Sự yếu kém của ngành cơ khí nông nghiệp do chưa được chú trọng đầu tư đúng mức; (ii) Tình trạng sản xuất phân tán và manh mún của các hộ nông dân; (iii) Khó khăn về tài chính của các chủ thể kinh tế ở nông thôn (hộ, hợp tác xã).

Phát triển các công trình thủy lợi là một trong những mục tiêu được ưu tiên trong đầu tư phát triển nông nghiệp. Đến nay cả nước đã có gần 2.000 hồ chứa nước, 10.000 trạm bơm, 8.000 km đê sông và đê biển, bảo đảm tưới nước trực tiếp cho 3,5 triệu ha, tạo nguồn nước cho 1,13 triệu ha... Tuy nhiên, sự phát triển ấy còn thấp so với yêu cầu phát triển nông nghiệp; chất lượng nhiều công trình còn thấp và đang bị xuống cấp. Trong những năm gần đây, việc kết hợp giữa phát triển thủy điện vừa và nhỏ với phát triển thủy lợi đang nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp đe dọa cuộc sống của người dân trong vùng và yêu cầu phát triển bền vững.

Về phục vụ điện khí hóa nông thôn



Tính đến nay, tất cả các huyện trong cả nước đã có điện, số hộ nông dân sử dụng điện đạt 96,8%. Việt Nam được xếp trong nhóm đầu châu Á về điện khí hóa nông thôn. Việc phát triển mạng lưới điện ở nông thôn đã góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, cải thiện điều kiện lao động, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Tuy nhiên, việc thực hiện điện khí hóa nông thôn cũng đang gặp phải một số khó khăn, bất cập. Ngoài những vấn đề phức tạp nảy sinh trong việc phát triển các công trình thủy điện vừa và nhỏ như đã nêu trên, khó khăn còn lại là thiếu vốn đầu tư cho phát triển và nâng cấp mạng lưới điện nông thôn và chính sách giá bán điện nông thôn bảo đảm hài hòa lợi ích của các doanh nghiệp sản xuất và cung ứng điện với các hộ nông dân sử dụng điện, đặc biệt là các hộ ở vùng sâu, vùng xa, hộ nghèo.

Về phục vụ hóa học hóa sản xuất nông nghiệp

Việc sử dụng các chế phẩm hóa học trong cả trồng trọt và chăn nuôi ngày càng trở nên phổ biến. Trong chừng mực nhất định, việc này đã góp phần tăng năng suất và sản lượng, phòng ngừa và chữa trị dịch bệnh đối với cây trồng và vật nuôi. Tuy nhiên, quá trình này đã và đang nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Trong số những bất cập cơ bản của quá trình hóa học hóa nông nghiệp, nổi lên hai vấn đề lớn: (i) Trình độ phát triển của công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp trong nước còn thấp so với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp; (ii) Tình trạng lạm dụng (cố ý hoặc thiếu hiểu biết) các chế phẩm hóa học ảnh hưởng xấu đến cả người sản xuất, người tiêu dùng và môi trường sinh thái.

Về áp dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp

Trong những năm qua, việc áp dụng công nghệ sinh học tập trung chủ yếu vào lĩnh vực giống cây trồng và vật nuôi, coi đó là khâu đột phá về công nghệ nhằm chuyển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa nhỏ sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa hiện đại có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường. Theo đó, hàng loạt giống cây trồng và vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng thích ứng với điều kiện môi trường đã được sử dụng thay thế cho các loại giống cũ. Bên cạnh những kết quả tích cực, việc phát triển công nghệ sinh học và ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế: trình độ công nghệ sinh học nông nghiệp mới chỉ được xếp vào loại trung bình của khu vực, thấp hơn nhiều so với Thái Lan và Indonesia; không những nước ta chưa tạo được những giống có đột phá về năng suất và chất lượng, mà còn phụ thuộc nhiều vào việc nhập khẩu giống cây trồng và vật nuôi từ nước ngoài; tính tự phát trong sản xuất và lưu thông

giống diễn ra trong sự buông lỏng quản lý của các cơ quan quản lý hữu quan đã dẫn tới tình trạng lộn xộn trong sản xuất nông sản hàng hóa, thậm chí dẫn đến những thiệt hại không nhỏ cho nông dân.

Về phát triển công nghiệp bảo quản và chế biến nông sản

Trong chuỗi giá trị của sản xuất nông nghiệp, các khâu sau thu hoạch (sơ chế, bảo quản) giữ vị trí trọng yếu trong việc bảo đảm lợi ích cho người sản xuất nông sản. Tuy nhiên, tổn thất sau thu hoạch đang là một khâu yếu³. “Được mùa ngoài đồng, mất mùa trong nhà” là tình trạng phổ biến của nền nông nghiệp nước ta. Theo tính toán của các nhà khoa học, thu nhập của người nông dân có thể bị giảm 20-30% nếu sản phẩm không được bảo quản, sơ chế và tiêu thụ kịp thời. Sự tác động của công nghiệp nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch còn rất yếu.

Trong những năm qua, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản đã có những bước phát triển khá mạnh với nhiều doanh nghiệp tiêu thụ và chế biến nông sản hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, trải qua thời kỳ dài, sự phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản vẫn chưa phát huy được tiềm năng và lợi thế vốn có, trình độ phát triển còn thấp xa so với yêu cầu. Những yếu kém nổi bật của công nghiệp chế biến nông sản thể hiện tập trung ở một số điểm sau đây: (i) Đầu tư cho công nghiệp chế biến nông sản chưa tương xứng với yêu cầu phát triển nông nghiệp; (ii) Việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nguyên liệu và chế biến chưa được coi trọng đúng mức; (iii) Mặc dù đã có chủ trương và chính sách liên kết “bốn nhà” trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, nhưng đến nay vẫn chưa thoát khỏi tình trạng lúng túng và bất cập trong việc xử lý mối quan hệ giữa các khâu trong chuỗi giá trị nông sản; (iv) Sự bất cập về quy hoạch và chính sách đã dẫn đến tình trạng nhiều cơ sở chế biến nông sản đứng trước nguy cơ thiếu nguyên liệu và phải nhập khẩu một số nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu.

Về phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp ở nông thôn

Nhằm thúc đẩy thực hiện phân công lại lao động ở nông thôn, tạo thêm việc làm và thu nhập cho lao động nông thôn, Nhà nước đã quan tâm phục hồi và phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp ở nông thôn. Hiện nay, cả nước có trên 4.500 làng nghề, thu hút gần 30% lực lượng lao động tham gia. Ngoài lao động thường xuyên, các cơ sở ngành nghề còn thu hút thêm lao động thời vụ.

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc phát triển

các ngành nghề thủ công nghiệp ở nông thôn cũng bộc lộ ngày càng rõ nhiều yếu kém. Đó là: (i) Năng lực cạnh tranh thấp kém do trang bị công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm thấp, kiểu cách mẫu mã sản phẩm đơn điệu không thích ứng với sự biến đổi nhanh của nhu cầu thị trường; (ii) Phần lớn các chủ cơ sở sản xuất thủ công nghiệp ở nông thôn quản lý điều hành theo kinh nghiệm, chưa được trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường; (iii) Tay nghề của người lao động còn thấp, chưa được đào tạo có hệ thống, chủ yếu học nghề bằng hình thức kèm cặp, truyền khẩu; (iv) Môi trường ở các làng nghề thủ công nghiệp đang bị ô nhiễm nặng do công nghệ sản xuất lạc hậu, công tác xử lý các loại chất thải, trong đó có không ít chất thải độc hại, không được quan tâm.

2.4. Thực trạng phát triển nông thôn và quá trình đô thị hóa nông thôn

Khái quát về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Việc phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội ở nông thôn tập trung vào phát triển “điện, đường, trường, trạm”. Những nội dung đó đã đạt được những kết quả tích cực: đến nay, 100% số huyện, 99,8% số xã, 95,5% số thôn đã có điện lưới và 98% số hộ đã sử dụng điện; 98,6% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, 89,6% số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn; 99,3% số xã có trường tiểu học, 92,9% số xã có trường trung học cơ sở; 99,5% số xã có trạm y tế, 93,9% số thôn có cán bộ y tế thôn,... Sự phát triển các yếu tố đó của cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội nông thôn đã tạo lập nền tảng cơ bản cho việc đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, mở rộng giao lưu giữa các vùng, nhu cầu cơ bản về học tập và chăm sóc sức khỏe ban đầu của dân cư nông thôn.

Từ năm 2009 cả nước đã triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm mục tiêu phát triển nông thôn theo hướng hiện đại. Chương trình phân đầu đến năm 2015 có 20% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; năm 2020 có 50% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Sau hơn 3 năm thực hiện, Chương trình xây dựng Nông thôn mới đã thu được một số kết quả đáng khích lệ. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương đã triển khai được 5.000 công trình giao thông nông thôn, cải tạo và nâng cấp 1.000 công trình thủy lợi, xây dựng và nâng cấp hơn 1.000 công trình nước sạch tập trung, 500 bãi thu gom rác thải. Tính đến tháng 4/2013, đã có 118 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới. Tuy nhiên, việc triển khai Chương trình cũng đang gặp phải nhiều khó khăn cản trở. Trong khi số tiêu chí xây dựng nông thôn

mới bao quát toàn diện các mặt của đời sống kinh tế - xã hội nông thôn và được đặt ra khá cao, thì điểm xuất phát của các xã trong xây dựng nông thôn mới lại rất chênh lệch nhau, trình độ cán bộ các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở, còn thấp, nguồn lực để xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, tâm lý lại sự trợ giúp của Nhà nước còn khá nặng nề.

Đô thị hóa nông thôn và quan hệ nông thôn - thành thị

Theo báo cáo “Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam” của Ngân hàng Thế giới công bố ngày 5/4/2012 (World Bank, 2011), tốc độ đô thị hóa của Việt Nam là 3,4%/năm; đến nay đã có khoảng 40% dân cư sống ở các đô thị. Đến nay cả nước có 289 khu công nghiệp đã được phê duyệt xây dựng, trong đó có 184 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động. Quá trình đô thị hóa và phát triển các khu công nghiệp có tác động mạnh mẽ đến nông nghiệp, nông dân và nông thôn trên cả hai chiều: tích cực và tiêu cực. Đô thị hóa góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, thay đổi sự phân bố dân cư ở nông thôn. Nhưng quá trình này cũng đang đặt ra nhiều vấn đề phức tạp cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Đó là:

- Sự phát triển tràn lan các khu công nghiệp và khu đô thị mới, phá vỡ quy hoạch phát triển chung của cả nước đã dẫn đến tình trạng cung vượt cầu: tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp thấp; bất động sản tồn kho tăng.

- Nông dân nơi bị thu hồi đất để phát triển khu công nghiệp và khu đô thị mất đất canh tác, khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm mới để bảo đảm sinh kế, đời sống gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, công tác dạy nghề và hỗ trợ việc làm cho người nông dân không được quan tâm đầy đủ.

- Những hiện tượng tiêu cực ở đô thị lan rộng về vùng nông thôn; cuộc sống của người dân nông thôn bị đảo lộn; nếp sống thị dân lấn lướt nếp sống truyền thống, trong đó có cả thuần phong, mỹ tục, ở nông thôn.

- Cảnh quan thiên nhiên ở nông thôn bị phá vỡ; tình trạng ô nhiễm môi trường có xu hướng gia tăng mạnh từ các hoạt động công nghiệp, trong khi các biện pháp quản lý môi trường không được chú trọng đúng mức...

3. Đánh giá tổng quát về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

Sự phát triển toàn diện và mạnh mẽ của nông nghiệp là một trong những thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới ở Việt Nam

Đổi mới trong nông nghiệp trên nền tảng đổi mới



tư duy, đặc biệt là tư duy về sở hữu và về động lực cho người sản xuất, là điểm đột phá đầu tiên trong đổi mới về kinh tế ở nước ta. Sau gần 30 năm đổi mới, nông nghiệp duy trì được tốc độ phát triển khá cao và ổn định. Kinh tế nông thôn, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, đã chuyển mạnh từ nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ mang nặng tính chất tự cung tự cấp sang phát triển sản xuất hàng hóa, coi trọng giá trị và gắn với nhu cầu thị trường trên cơ sở phát huy lợi thế từng vùng. Đến nay, nước ta đã có khả năng bảo đảm an ninh lương thực, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu đã khẳng định vị thế trên thị trường thế giới. Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tích cực gắn với việc áp dụng ngày càng rộng rãi những thành tựu mới của khoa học công nghệ và đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn được tăng cường góp phần thiết thực vào làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả to lớn; đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được cải thiện rõ rệt so với trước đây.

Tuy mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của đất nước không cao, nhưng chính sự phát triển nông nghiệp và nông thôn đã góp phần to lớn tạo nên sự ổn định về kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước. Những thành tựu to lớn trong phát triển nông nghiệp và nông thôn là một trong những minh chứng rõ rệt cho tính đúng đắn của các quan điểm, chủ trương của Đảng về đổi mới kinh tế.

Nông nghiệp, nông dân và nông thôn đang đặt ra nhiều vấn đề bức xúc nhưng còn nhiều bất cập trong tìm cách giải quyết

Đầu rằng đã có những bước tiến mạnh so với thời kỳ trước đổi mới, nhưng sự phát triển nông nghiệp và nông thôn còn thấp xa so với yêu cầu và tiềm năng của đất nước. Kinh tế nông thôn chủ yếu phát triển theo chiều rộng dựa trên cơ sở khai thác lợi thế về đất đai và sức lao động giản đơn, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các loại nông sản hàng hóa còn thấp kém. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH diễn ra chậm chạp và ngày càng bộ lộ rõ tính lạc hậu, kém hiệu quả. Mức độ đầu tư và ứng dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ không những còn hạn chế, mà đã xuất hiện những hiện tượng lệch lạc do chạy theo lợi nhuận, làm tổn hại sức khỏe con người và ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái. Trình độ phát triển kinh tế nông thôn còn thấp xa so với yêu cầu phát triển bền vững. Chênh lệch thu nhập, mức sống vật chất và tinh thần giữa nông thôn các vùng, giữa nông thôn và thành thị có xu hướng ngày càng dãn ra. Dân chủ nông thôn nhiều vùng chưa được bảo đảm, sự bất bình xã

hội ở nông thôn có xu hướng gia tăng.

Trong điều kiện đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta đang đứng trước những thách thức gay gắt:

- Thách thức giữa tình trạng ruộng đất có xu hướng giảm do phát triển cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và khu đô thị với tình trạng dân số và lao động nông thôn tiếp tục tăng, yêu cầu giải quyết việc làm cho nông dân và bảo đảm an ninh lương thực.

- Thách thức giữa tình trạng cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, đòi hỏi khắc khe về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm với thực tế năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của hàng nông sản trên thị trường còn thấp kém.

- Thách thức giữa yêu cầu tăng đầu tư cho việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn với khả năng tích lũy nội bộ các ngành kinh tế nông thôn, khả năng đầu tư của Nhà nước còn hạn hẹp, nông thôn lại là địa bàn kém hấp dẫn các nhà đầu tư ngoài nhà nước trong nước và ngoài nước.

- Thách thức giữa yêu cầu kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội với tình trạng chênh lệch thu nhập và mức sống giữa nông thôn và thành thị có xu hướng gia tăng.

- Thách thức giữa yêu cầu phát huy dân chủ để huy động mọi tầng lớp dân cư tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn với năng lực, trình độ cán bộ cơ sở còn thấp kém, một bộ phận không nhỏ bị suy thoái, biến chất, lòng tin của dân với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước đang bị suy giảm.

- Thách thức giữa yêu cầu ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, phát triển nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ thích ứng với xu thế của phát triển nông nghiệp hiện đại của thế giới với năng lực, trình độ thấp kém của lao động nông thôn và tính “tiểu nông thủ cựu” vẫn còn ảnh hưởng nặng nề với mỗi người nông dân Việt Nam...

Động lực từ các chính sách “cởi trói và giải phóng” để phát triển nông nghiệp và nông thôn đã phát huy đến điểm tới hạn, trong khi các chính sách “thúc đẩy” chưa mang lại hiệu quả mong muốn

Nghị quyết 10-NQ/TƯ của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (5/4/1988) về Đổi mới quản lý kinh tế nông thôn nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, thực hiện khoán tới hộ xã viên (do vậy, thường được gọi là Nghị quyết về khoán 10) được đánh giá là một quyết định lịch sử, là một bước đột phá mạnh mẽ trong tư duy nhận

thức lý luận của Đảng về vấn đề ruộng đất và nông dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết đã “cởi trói” khỏi sự ràng buộc khắt khe của tư duy và cơ chế cũ triệt tiêu động lực sản xuất của người nông dân trên mảnh ruộng vốn đã gắn bó máu thịt với họ. Trong điều kiện chưa có tác động nhiều của khoa học công nghệ, chỉ từ thay đổi cơ chế quản lý đã giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tạo cú hích mạnh mẽ cho sự phát triển của nông nghiệp và nông thôn, đưa nước ta từ trạng thái thiếu thốn lương thực triền miên trở thành nước sản xuất và xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới.

Tuy nhiên, đến nay trong bối cảnh mới, tác động của chính sách “cởi trói” dường như đã tới hạn, thậm chí trong một số khía cạnh nhất định lại trở thành cản trở cho sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn và giải quyết các vấn đề thiết yếu của nông dân. Kinh tế hộ một thời phát huy tác dụng tích cực như một động lực mạnh mẽ, người nông dân tích cực lao động trên mảnh ruộng được giao quyền sử dụng, nay không thích ứng với yêu cầu áp dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ, tập trung và chuyên môn hóa cao, đòi hỏi khắt khe của thị trường cả về số lượng, chất lượng, chi phí và thời gian cung ứng.

Trong điều kiện đó, Nhà nước đã ban hành hàng loạt chính sách nhằm “thúc đẩy” phát triển nông nghiệp và nông thôn, như chính sách đất đai, chính sách tài chính và đầu tư, chính sách tín dụng, chính sách tiêu thụ nông sản... Nhưng những chính sách này dường như vẫn chưa tạo được động lực với cho phát triển kinh tế nông thôn thích ứng với điều kiện mới.

Còn nhiều bất cập trong việc phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn

Vai trò chủ thể của nông dân trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn và trong việc xây dựng nông thôn mới thể hiện trên hai mặt: *một mặt*, nông dân (hay rộng hơn là dân cư nông thôn) là lực lượng nòng cốt đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn; mặt khác, nông dân được hưởng lợi thỏa đáng từ sự phát triển ấy.

Xét vai trò “chủ thể của nông dân” theo khía cạnh đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, có thể khẳng định rằng những thành tựu to lớn và toàn diện của nông nghiệp trong những năm qua là kết quả lao động cần cù của những người nông dân, qua đó đóng góp vào những thành tựu chung về kinh tế - xã hội trong công cuộc đổi mới. Đánh giá những đóng góp ấy không thể nhìn nhận ở tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp trong GDP và đóng góp của nông nghiệp trong tăng trưởng GDP của đất nước, mà

phải xem xét từ vai trò của nông nghiệp trong việc tạo nền tảng về kinh tế - xã hội cho quá trình tăng trưởng và phát triển của đất nước. Tuy nhiên, nếu xét vai trò “chủ thể” theo khía cạnh “hưởng lợi từ những thành quả của quá trình tăng trưởng và phát triển”, thì lại đang nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp đòi hỏi phải nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan⁴.

Có thể xem xét qua hai khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, về quan hệ trao đổi hàng hóa giữa công nghiệp và nông nghiệp

Trong quan hệ trao đổi hàng hóa giữa công nghiệp và nông nghiệp đang tồn tại nhiều bất hợp lý ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của người nông dân. Ngoài tình trạng ép cấp, ép giá của những người thu mua nông sản, sự bất hợp lý trong trao đổi hàng hóa giữa công nghiệp và nông nghiệp còn thể hiện ở giá cánh kéo giữa công nghệ phẩm và nông phẩm. Trong những năm qua, khi giá nông sản không tăng hoặc tăng với tốc độ thấp so với tốc độ tăng của công nghệ phẩm⁵. Do vậy, lợi ích kinh tế của người sản xuất hàng hóa ở nông thôn không được bảo đảm. Hệ lụy của tình trạng này không phải chỉ ở chỗ làm giảm tích lũy từ các hộ nông dân và nội bộ nông nghiệp, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến động lực của họ trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, về quan hệ giữa dân cư nông thôn và dân cư thành thị

Kết quả điều tra thu nhập và mức sống năm 2012 do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội công bố cho thấy, đến nay tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước giảm xuống còn 9,6%, hộ cận nghèo còn 6,57%. Nhưng trong đó có tới 95% hộ nghèo tập trung ở nông thôn; tỷ lệ hộ nghèo về lương thực thực phẩm ở nông thôn cao gấp 10 lần ở đô thị; đồng bào dân tộc ít người chỉ chiếm 14,5% tổng dân số nhưng chiếm tới một nửa số hộ nghèo của cả nước. Hơn nữa, hộ nghèo không phải chỉ có thu nhập thấp, mà còn hết sức khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, nước sạch, vệ sinh và nhà ở...

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường, Đảng và Nhà nước đã chú trọng các chính sách an sinh xã hội, dành ưu tiên cho các đối tượng chính sách và các đối tượng dễ bị tổn thương, nhưng chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, giữa nông thôn và thành thị có xu hướng gia tăng. Chênh lệch thu nhập giữa dân cư nông thôn và dân cư thành thị là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng lao động nông thôn dịch chuyển tự phát ra các đô thị, chấp nhận mọi rủi ro mong tìm kiếm việc làm có thu nhập cao hơn làm nghề nông.

Chênh lệch thu nhập giữa nông thôn và thành thị



song hành với chênh lệch về đời sống văn hóa của dân cư. Đời sống văn hóa ở nông thôn thua kém rõ rệt ở thành phố trên tất cả các phương diện và với mọi lứa tuổi. Nhà văn hóa thôn được xây dựng chủ yếu sử dụng làm nơi hội họp; các điểm vui chơi được coi là xa xỉ với điều kiện sống của trẻ em nông thôn. Đời sống văn hóa nghèo nàn và thiếu định hướng ở nông thôn không chỉ có những ảnh hưởng tiêu cực trước mắt, mà lâu dài có thể dẫn đến làm mất đi bản sắc văn hóa truyền thống, đặc biệt với lứa tuổi thanh thiếu niên.

4. Một số kiến nghị thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn

Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới được xác định là một trong những nội dung trọng tâm của việc thực hiện ba khâu đột phá chiến lược, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu nền kinh tế trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Để thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó trọng tâm là đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ và tổ chức lại sản xuất. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đề cập 3 vấn đề sau đây:

Phát triển quan hệ liên kết trong chuỗi giá trị nông sản hàng hóa

Hiện nay, trong trạng thái rời rạc của quan hệ giữa các chủ thể tham gia vào các khâu trong chuỗi giá trị nông sản hàng hóa (sản xuất – chế biến – tiêu thụ), người nông dân sản xuất hàng hóa là người được hưởng lợi ít nhất và chịu rủi ro nhiều nhất trước những biến động bất lợi của thị trường. Điều đó không những ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân, sự ổn định của quan hệ giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, mà còn gây khó khăn trong việc xây dựng thương hiệu quốc gia của nhiều nông sản mà Việt Nam đã khẳng định được vị thế trên thị trường thế giới (gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, điều...).

Để khắc phục tình trạng này, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của nông sản, bảo đảm thu nhập của nông dân tương xứng với đóng góp của họ vào chuỗi giá trị nông sản, cần thiết phải tạo lập và phát triển quan hệ liên kết bền chặt giữa các chủ thể kinh tế hữu quan. Thực chất của quan hệ liên kết giữa các chủ thể tham gia chuỗi giá trị nông sản hàng hóa là quan hệ phối hợp trên tinh thần cộng đồng trách nhiệm, cùng phân chia lợi ích và rủi ro theo mức đóng góp của mỗi chủ thể trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa.

Việc tạo lập và phát triển quan hệ liên kết này

không thể thực hiện một cách dàn trải cho tất cả các loại nông sản và ở tất cả các vùng, mà phải thực hiện với những nông sản có quy mô sản xuất lớn tập trung trong những vùng nhất định, thị trường tiêu thụ rộng. Đó có thể là lúa gạo và thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều ở vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, các vùng nguyên liệu cho các nhà máy mía đường... Theo đó, việc quy hoạch hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông sản hàng hóa lớn được coi là điều kiện tiên đề cần thiết cho việc hình thành và phát triển quan hệ liên kết giữa các chủ thể kinh tế. Để quan hệ liên kết giữa các chủ thể kinh tế trong chuỗi giá trị nông sản được thiết lập trên thực tế, còn đòi hỏi xác định rõ trách nhiệm của Nhà nước và mỗi chủ thể liên quan.

Tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, tránh áp đặt dưới mọi hình thức, trách nhiệm của Nhà nước là ban hành và chỉ đạo thực hiện các chính sách khuyến khích và điều tiết quan hệ liên kết giữa các chủ thể tham gia chuỗi giá trị nông sản hàng hóa. Các chính sách khuyến khích thể hiện qua những ưu đãi để tạo động lực mạnh thu hút các nguồn vốn từ các chủ thể hoạt động trong khâu chế biến và khâu thương mại đầu tư vào khâu sản xuất nông sản. Chính sách điều tiết của Nhà nước nhằm bảo đảm sự phân phối thu nhập và lợi ích tương xứng với mức độ đóng góp của mỗi chủ thể vào chuỗi giá trị nông sản hàng hóa. Vai trò của Nhà nước còn thể hiện ở việc bảo đảm hợp đồng liên kết giữa các chủ thể tham gia chuỗi giá trị nông sản được thực thi một cách nghiêm túc.

Các chủ thể tham gia khâu sản xuất nông sản cần chủ động liên kết với nhau thành một khối để liên kết với các chủ thể tham gia khâu chế biến và tiêu thụ. Để thực hiện điều này, cần phát huy vai trò tích cực và chủ động của các hợp tác xã nông nghiệp trong việc thực hiện dịch vụ hỗ trợ các hộ xã viên tiêu thụ nông sản được sản xuất ra. Trong trường hợp liên kết giữa các chủ thể để hình thành doanh nghiệp nông nghiệp, cần cho phép hộ nông dân được dùng quyền sử dụng đất như phần đóng góp cổ phần vào doanh nghiệp.

Các chủ thể ở khâu chế biến và tiêu thụ nông sản lựa chọn hình thức thích ứng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sản xuất nông sản (đầu tư vốn hình thành doanh nghiệp nông nghiệp; ứng trước vật tư nông nghiệp cho các hộ nông dân; trợ giúp ứng dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ; ký hợp đồng bao tiêu nông sản...). Các chủ thể này cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin thị trường (và dự báo quan hệ cung – cầu) cho các hộ nông dân để hướng tới chuyển sản xuất theo khả

năng sản xuất theo nhu cầu thị trường. Quan hệ liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể sản xuất, chế biến và tiêu thụ sẽ tạo cơ sở để xây dựng thương hiệu quốc gia cho các nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, hạt điều...).

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn

Hiện nay, trong khi tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 30,9% tổng số lao động cả nước, thì tỷ lệ này ở nông thôn chỉ đạt 9%. Chất lượng nguồn nhân lực thấp kém đang là một trong những điểm nghẽn cản trở quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn, hạn chế việc phát huy vai trò chủ thể của người dân nông thôn trong quá trình này. Việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, suy đến cùng, là điều kiện quan trọng hàng đầu để thực hiện các nội dung của tái cơ cấu gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, khả năng và kết quả áp dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ trong nông nghiệp và các ngành kinh tế nông thôn. Bởi vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn phải được coi là một khâu đột phá mang tính chiến lược để phát triển nông nghiệp và nông thôn theo yêu cầu mới và thích ứng với điều kiện mới.

Trong việc thực hiện đột phá này, cần chú ý mấy điểm cơ bản sau đây:

- Bảo đảm hoạt động đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động cả về số lượng, cơ cấu ngành nghề, tạo điều kiện để người được đào tạo có khả năng tìm kiếm việc làm thích ứng với ngành nghề được đào tạo.

- Phát triển mạng lưới đào tạo nghề rộng khắp trong các huyện; khuyến khích phát triển xã hội hóa đào tạo để huy động rộng rãi các nguồn lực vào việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn; mở rộng liên kết giữa các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp sử dụng lao động.

- Xây dựng chương trình đào tạo gắn với yêu cầu thị trường lao động, chú trọng giáo dục kỹ năng thực hành và ý thức trách nhiệm của người học; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, học liệu cho các cơ sở dạy nghề.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm và ý thức trách nhiệm đi đôi với việc cải tiến chế độ đãi ngộ cho đội ngũ giáo viên và đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở dạy nghề. Có hình thức thích hợp huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề cao tham gia công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Về tài chính: dành ưu tiên cho đào tạo nghề

trong phân bổ vốn từ ngân sách cho giáo dục đào tạo; có chế độ ưu đãi thỏa đáng với người lao động nông thôn học nghề, đặc biệt là các đối tượng chính sách; lao động nông thôn sau khi học nghề được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm trong Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm.

Tạo đột phá về thể chế qua nghiên cứu mở rộng hình thức kinh tế hộ - trang trại thay thế dần hình thức kinh tế hộ truyền thống.

Sau một thời gian khá dài phát huy tác động tích cực, kinh tế hộ đã bộc lộ ngày càng rõ những bất cập cản trở phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất lớn hiện đại. Trong đổi mới về thể chế, cần xác định lại đơn vị sản xuất cơ bản của nông nghiệp phù hợp với yêu cầu và điều kiện phát triển mới. Đơn vị sản xuất mới của nông nghiệp phải có khả năng ứng dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ, sản xuất ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế cả về chủng loại, số lượng, chất lượng, thời gian và chi phí, có khả năng liên kết bình đẳng với các chủ thể khác trong chuỗi giá trị nông sản và tham gia vào mạng sản xuất toàn cầu... Nếu mô hình kinh tế hộ truyền thống đã tồn tại lâu nay ở nông thôn bất lực với việc đáp ứng những yêu cầu này và trong khi chưa tạo lập được mô hình doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng với điều kiện nông thôn nước ta, thì mô hình kinh tế hộ - trang trại có triển vọng tốt trong việc đáp ứng những yêu cầu đó.

Để triển vọng này có thể trở thành hiện thực, đòi hỏi phải bảo đảm hàng loạt các điều kiện có liên quan, trong đó cơ bản nhất là:

- Chuyển từ quan điểm “người cày, có ruộng” sang quan điểm “nông dân có việc làm” gắn với việc phát triển thị trường lao động ở nông thôn, hình thành đội ngũ công nhân công nghiệp có đủ việc làm thường xuyên và được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất thông qua việc điều chỉnh chính sách hạn điền theo hướng nới rộng quy mô và kéo dài thời hạn. Đó là điều kiện tiền đề để hình thành các vùng chuyên canh, nâng cao tỷ suất nông sản hàng hóa, ứng dụng những thành tựu mới của khoa học công nghệ và phát triển công nghiệp chế biến.

- Hoàn thiện các chính sách khuyến khích và trợ giúp kinh tế hộ - trang trại phát triển có hiệu quả và bền vững, trước hết là chính sách tín dụng ưu đãi đầu tư và chính sách thuế, chính sách khuyến nông. Đồng thời, cần chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng quản trị theo hướng hiện đại cho các chủ trang trại. □



Ghi chú:

1. Trong các năm 2012-2013 đã có 42.785 hộ bỏ không đất canh tác 6.882 ha, 3.407 hộ trả 433 ha đất (*Một sào lúa mua được hai bát phở, nông dân trả ruộng*, 2013).
2. Hiện nay, mức trang bị động lực của nông nghiệp nước ta chỉ đạt 1,16 cv/ha canh tác, cao nhất là vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng chỉ đạt 1,85 cv/ha, chưa bằng 1/3 của Thái Lan (4 cv/ha), 1/4 của Hàn Quốc (4,2 cv/ha) và 1/6 của Trung Quốc (6,06 cv/ha).
3. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổn thất sau thu hoạch đối với lúa gạo của Việt Nam thuộc hàng cao nhất khu vực châu Á, dao động trong khoảng 9 - 17%, thậm chí 20 - 30%, tùy từng khu vực và mùa vụ. Với tỷ lệ tổn thất này, chúng ta mất khoảng 3.000 tỷ đồng/năm. Còn với rau quả, tổn thất khoảng 25% đối với các loại quả và hơn 30% đối với rau. Trong khi đó, tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch của Ấn Độ chỉ là 3 - 3,5%, của Bangladesh là 7%, của Pakistan là 2 - 10%, của Indonesia là 6 - 17%, của Nepal là 4 - 22%...
4. Tại Hội thảo “Chân dung người nông dân Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Hội Nông dân Việt Nam tổ chức tháng 12/2013, ông Nguyễn Quốc Cường, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, cho rằng “Nông dân Việt Nam vẫn đứng đầu với 5 cái nhất là: đông nhất, nghèo nhất, nhiều bức xúc nhất, hi sinh nhiều nhất và hưởng lợi từ đổi mới ít nhất”.
5. Chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2013 tăng 0,57% so với năm 2012, trong đó chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng nông nghiệp giảm 0,59%; hàng lâm nghiệp tăng 8,85%; hàng thủy sản tăng 3,66%; chỉ số giá bán sản phẩm của người sản xuất hàng công nghiệp năm 2013 tăng 5,25% so với năm 2012. (Tổng cục Thống kê, 2013).

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Kế Tuấn (chủ biên) (2005), *Con đường và bước đi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn*, NXB Chính trị quốc gia.

Một sào lúa mua được hai bát phở, nông dân trả ruộng (2013), truy cập ngày 20/12/2013, từ < <http://tuoitre.vn/Kinh-te/586244/mot-sao%C2%A0lua-%C2%A0mua-duoc-hai-bat-pho-nong-dan-tra-ruong.html#ad-image-0>

Tổng cục Thống kê (2013), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2013*.

World Bank (2011), *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam*, Báo cáo kỹ thuật hỗ trợ.

Industrialization and modernization of agriculture and countryside in Vietnam: status and recommendations

Abstract:

This paper highlights the performance of industrialization–modernization of agriculture and countryside in Vietnam. The paper analyzes achievements and challenges to the development of agriculture and rural area in the country, providing 3 key measures to push up the industrialization–modernization of agriculture and countryside. The measures are: (i) strengthening the linkage between participants in the agricultural product value chain; (ii) enhancing quality of rural human resource; (iii) promoting farming household economy. The proposed measures can be considered innovative policies for restructuring agriculture in Vietnam.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Kế Tuấn**, Giáo sư, Tiến sĩ Kinh tế; Giảng viên cao cấp

- Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế và quản trị kinh doanh;

- Nơi công tác: Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Kinh tế quốc dân, Thành viên Hội đồng Biên tập tạp chí Kinh tế và Phát triển.

- Các tạp chí đã công bố bài báo: *Kinh tế và Phát triển; Nghiên cứu Kinh tế; Cộng sản; Công nghiệp; Kinh tế quản lý; Journal of Economics & Development...*

Email: tuannk@neu.edu.vn